ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Số: 1619/QĐ-UBND.HC	*Đồng Tháp, ngày 27 tháng 12 năm 2018*

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
ĐẾN Số: 90
Ngày: 07/01/2019
Chuyển:
Lưu hồ sơ số :

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Tỉnh quản lý và phân bổ năm 2019

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 206/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 8 về việc thông qua phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019 bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do Tỉnh quản lý và phân bổ,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3105/SKHĐT-NV ngày 21 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Tỉnh quản lý và phân bổ năm 2019.

(Có các biểu mẫu chi tiết đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư các công trình, dự án được bố trí kế hoạch đầu tư công bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Tỉnh quản lý và phân bổ năm 2019 chịu trách nhiệm thực hiện:

- Lập và đăng ký kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện từng công trình, dự án cụ thể, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh trước ngày 20 tháng 01 năm 2019.

- Thời gian báo cáo: Hằng tháng trước ngày 08 tháng sau (riêng tháng 3, tháng 6 và tháng 9 báo cáo chậm nhất đến ngày 07 của tháng sau); báo cáo năm 2019 (thời gian 13 tháng) trước ngày 15/02/2020 gửi báo cáo tới Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện, giải ngân vốn các công

trình, dự án trên cơ sở kế hoạch, tiến độ đã đăng ký (*Mẫu báo cáo định kỳ hằng tháng, năm kèm theo Quyết định này*).

- Thường xuyên theo dõi sát việc thực hiện từng gói thầu nhằm kịp thời phát hiện và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, không để ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các công trình.

- Kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện từng công trình, dự án phân loại theo các nhóm: chuẩn bị thủ tục đầu tư, chuẩn bị thực hiện đầu tư và thực hiện đầu tư.

- Tổ chức thực hiện và hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh, quyết toán vốn đầu tư các công trình, dự án theo đúng quy định về đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao.

2. Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp định kỳ hàng tháng trước ngày 05 tháng sau; hằng quý trước ngày 08 của tháng đầu tiên quý sau và báo cáo năm 2019 (thời gian 13 tháng) trước ngày 10/02/2020 đến Sở Tài chính, UBND Tỉnh về tình hình thực hiện và thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công. Đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi tiến độ triển khai, thực hiện từng công trình, dự án của các chủ đầu tư, tình hình giải ngân vốn của Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp; đôn đốc chủ đầu tư thực hiện tốt theo kế hoạch tiến độ đã đăng ký; tổng hợp báo cáo của các chủ đầu tư và Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp, gửi Sở Tài chính theo quy định.

4. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công năm 2019 của Tỉnh theo đúng quy định hiện hành; và tổ chức kiểm tra các chủ đầu tư, các Ban quản lý về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công; chịu trách nhiệm thanh, quyết toán vốn đầu tư các công trình, dự án theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh (b/c);
- CT và các PCT.UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/ĐTXD (MN)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hùng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO TỈNH QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỔ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Chủ đầu tư	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch trung hạn đã giao đến hết năm 2018	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2019			Ghi chú
									Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				tổng số	Trong đó:		
										Tổng số	Trong đó: phần vốn NS Tỉnh				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ									**46.408**	**19.000**	**19.000**	**12.000**	**7.000**			
A	**NGÂN SÁCH TẬP TRUNG**									**46.408**	**19.000**	**19.000**	**12.000**	**7.000**			
1	**Công nghệ thông tin**									**46.408**	**19.000**	**19.000**	**12.000**	**7.000**			
a	***Dự án nhóm B***									***46.408***	***19.000***	***19.000***	***12.000***	***7.000***			
1	- Xây dựng hệ thống thông tin chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp	Toàn Tỉnh	KBNN ĐT	Sở TTTT	7629562			2017-2020	1312/QĐ-UBND-HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	46.408	19.000	19.000	12.000	7.000			

Đơn vị Báo cáo: UBND huyện, thị xã, TP; Chủ đầu tư
Số:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NSĐP, VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA), BỔ SUNG NGOÀI KẾ HOẠCH NĂM 2019
(THÁNG ..., NĂM 2019)
(Kèm theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Mã số DA đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn GĐ 2016 - 2020	Kế hoạch vốn đầu tư trong năm				Lũy kế giá trị thanh toán từ khởi công đến hết năm trước năm báo cáo	Vốn thanh toán trong kỳ báo cáo				Lũy kế giá trị KLHT từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo				Tỷ lệ % KH đã giao	Tình hình thi công công trình thực tế và tỷ lệ hoàn thành so với tổng dự án		Kế hoạch vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang năm sau	Kế hoạch vốn còn lại chưa thanh toán bị hủy bỏ (nếu có)	Ghi chú (vướng mắc GPMB, ...) (nếu có)
				số: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Theo kế hoạch UBND tỉnh giao đầu năm	Kế hoạch bổ sung thêm so với QĐ của UBND tỉnh giao đầu năm			Tổng số	Theo kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch bổ sung thêm so với QĐ của UBND tỉnh giao đầu năm			Tổng số	Theo kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch bổ sung thêm so với QĐ của UBND tỉnh giao đầu năm				Giá trị khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ hoàn thành			
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN				KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm				KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm				KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	TỔNG SỐ																										
A	**Nguồn vốn ngân sách tỉnh**																										
I	**Nguồn vốn đầu tư XDCB tập trung**																										
	Nguồn vốn XDCB tập trung năm kế hoạch																										
	Dự án.....																										
	Vốn XDCB tập trung năm trước chuyển sang																										
	Dự án.....																										
II	**Nguồn vốn xổ số kiến thiết**																										
	Vốn xổ số kiến thiết năm kế hoạch																										
	Dự án.....																										
	Vốn XSKT năm trước chuyển sang																										
	Dự án.....																										
III	**Nguồn vốn vượt thu XSKT**																										
	Vốn vượt thu XSKT năm kế hoạch																										
	Dự án.....																										
	Vốn vượt thu XSKT năm trước chuyển sang																										
	Dự án.....																										
IV	**Nguồn vốn số dư dự toán**																										
	Dự án.....																										
	Dự án.....																										
V	**Nguồn vốn khác**																										
	Dự án.....																										
	Dự án.....																										
B	**Nguồn vốn ngân sách huyện**																										
	Nguồn NSTT.																										

STT	Nguồn vốn	Mã số DA đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn GĐ 2016 - 2020	Kế hoạch vốn đầu tư trong năm				Lũy kế giá trị thanh toán từ khởi công đến hết năm trước năm báo cáo	Vốn thanh toán trong kỳ báo cáo				Lũy kế giá trị KLHT từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến kỳ báo cáo				Tỷ lệ % KH đã giao	Tình hình thi công công trình thực tế và tỷ lệ hoàn thành so với tổng dự án		Kế hoạch vốn còn lại được kéo dài thanh toán sang năm sau	Kế hoạch vốn còn lại chưa thanh toán bị hủy bỏ (nếu có)	Ghi chú (vướng mắc GPMB, ...) (nếu có)
				số: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Theo kế hoạch UBND tỉnh giao đầu năm	Kế hoạch bổ sung thêm so với QĐ của UBND tỉnh giao đầu năm			Tổng số	Theo kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch bổ sung thêm so với QĐ của UBND tỉnh giao đầu năm			Tổng số	Theo kế hoạch UBND tỉnh giao	Kế hoạch bổ sung thêm so với QĐ của UBND tỉnh giao đầu năm				Giá trị khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ hoàn thành			
					Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSNN				KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm				KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm				KH vốn kéo dài năm trước chuyển sang	Bổ sung trong năm							
	Phân loại như mục A.I nêu trên																										
II	**Nguồn Sử dụng đất**																										
	Phân loại như mục A.I nêu trên																										
III	**Nguồn khác**																										
	Dự án.....																										
	Dự án.....																										
IV	**Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu**																										
1	**Nguồn vốn miễn giảm thủy lợi phí**																										
	Phân loại như mục A.I nêu trên																										
2	**Nguồn vốn hỗ trợ địa phương sản xuất lúa theo Nghị định 35/2015/NĐ-CP**																										
	Phân loại như mục A.I nêu trên																										
3	**Nguồn vốn sự nghiệp nông thôn mới**																										
	Phân loại như mục A.I nêu trên																										
4	**Nguồn vốn XSKT tỉnh hỗ trợ mục tiêu**																										
	Phân loại như mục A.I nêu trên																										

Ghi chú: báo cáo hàng tháng không bao gồm số liệu tổng hợp tại các cột 25,26

Người lập biểu

..., ngày tháng năm 201....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ